Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (HNX: MVB)

FireAnt

Ngày **28/06/2024**	**20,800 VNĐ**		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.1%	**2.4%**	**4.8%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	16,721 - 22,294
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,184
Số lượng CPLH (CP)	105,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,690
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.05
EPS	1,981
P/E	10.5

Tỷ suất lợi nhuận

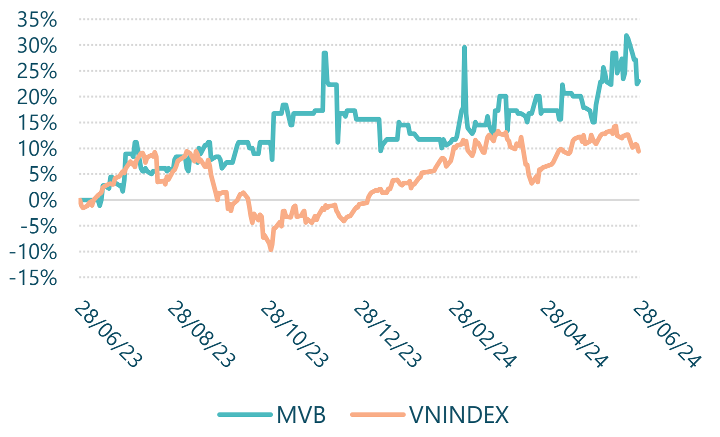

Doanh thu thuần

Q2/24

1,298

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 127 | 10.9%

YoY: ▲ 2.00 | 0.2%

Nợ/VCSH

Q2/24

64.7%

YoY: +/-▲ 9.0%

LN gộp

Q2/24

209

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 61.0 | 41.1%

YoY: ▼45.0 | -17.8%

ROE (TTM)

Q2/24

10.6%

YoY: +/-▼ 0.9%

LN trước thuế

Q2/24

102

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.1 | 68.3%

YoY: ▼39.0 | -27.3%

ROA (TTM)

Q2/24

6.3%

YoY: +/-▼ 0.7%

Kết quả kinh doanh Q2/24

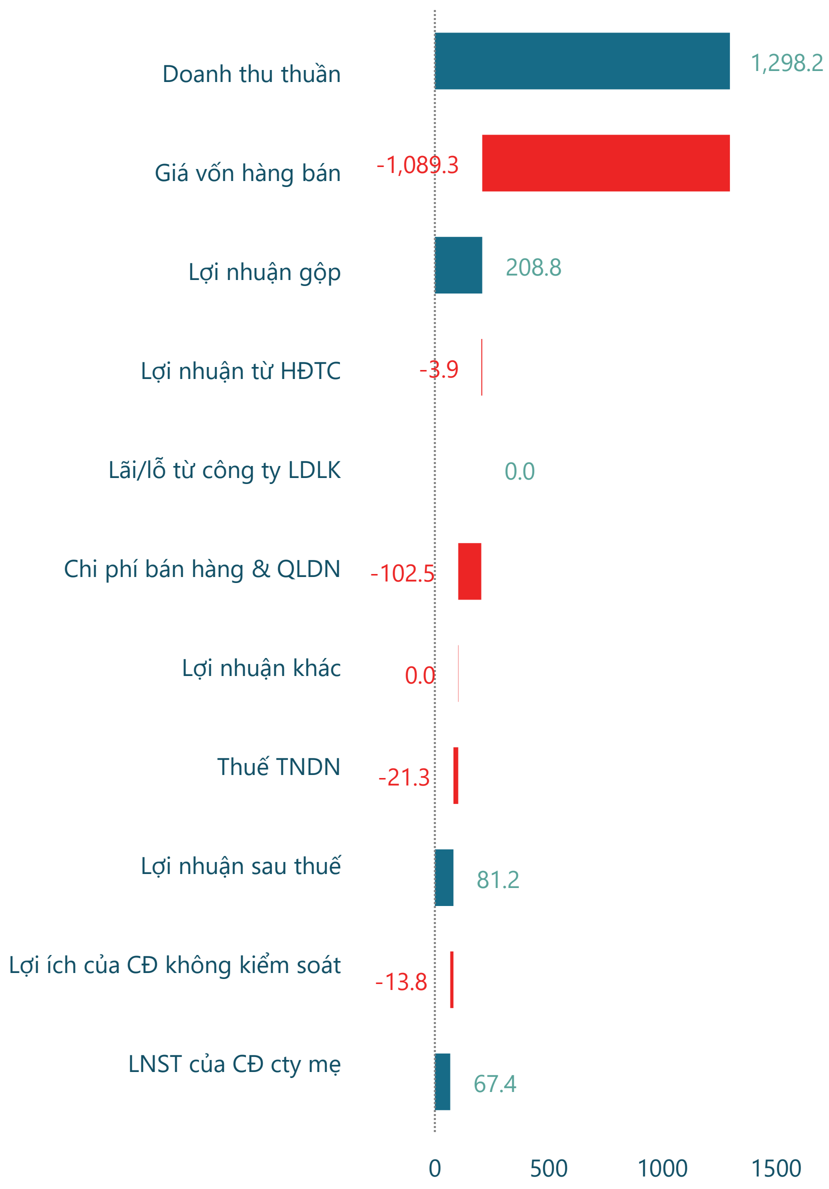

Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (HNX: MVB)

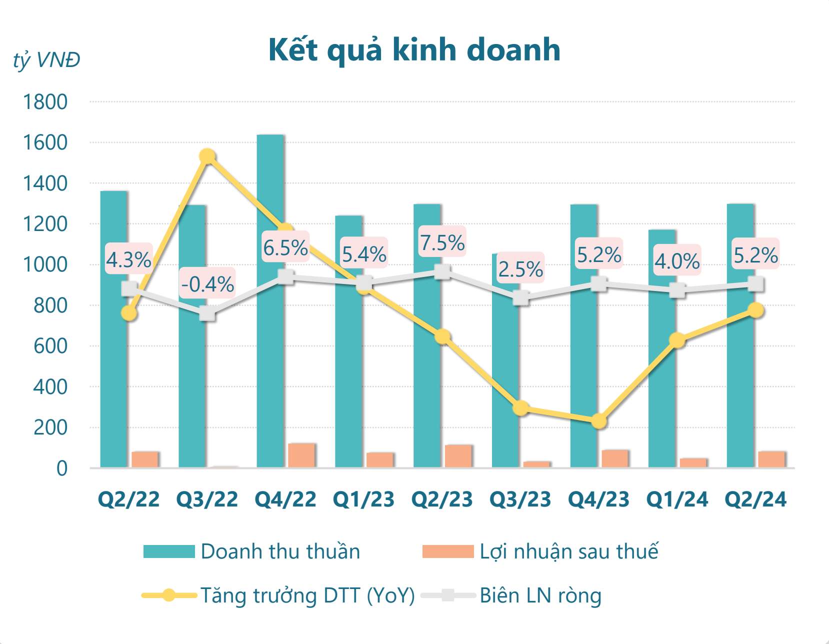
Kết quả kinh doanh

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 102.5 tỷ đồng**, tăng thêm 83.6% so với kỳ trước và thấp hơn 26.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 3.85 tỷ đồng** giảm đi 0.23 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 4.13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.01 tỷ đồng** giảm đi 100% so với kỳ trước và thấp hơn 102% so với cùng kỳ năm trước.

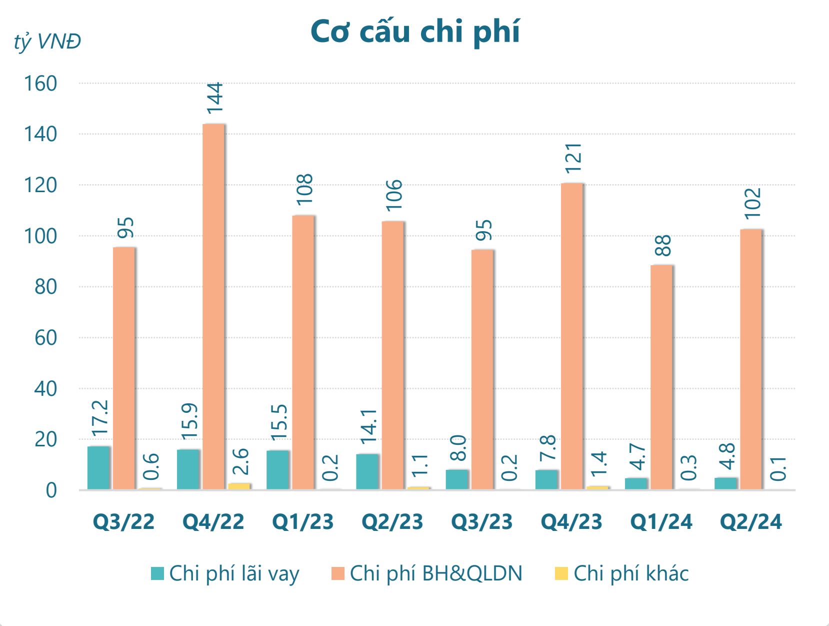
Cơ cấu chi phí

Kết quả kinh doanh của **MVB** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,298 tỷ đồng** tăng thêm **0.18%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 81.20 tỷ đồng**, **giảm sút 28.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,470 tỷ đồng** thấp hơn 2.60% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 129.0 tỷ đồng** thấp hơn 31.7% so với cùng kỳ năm trước.

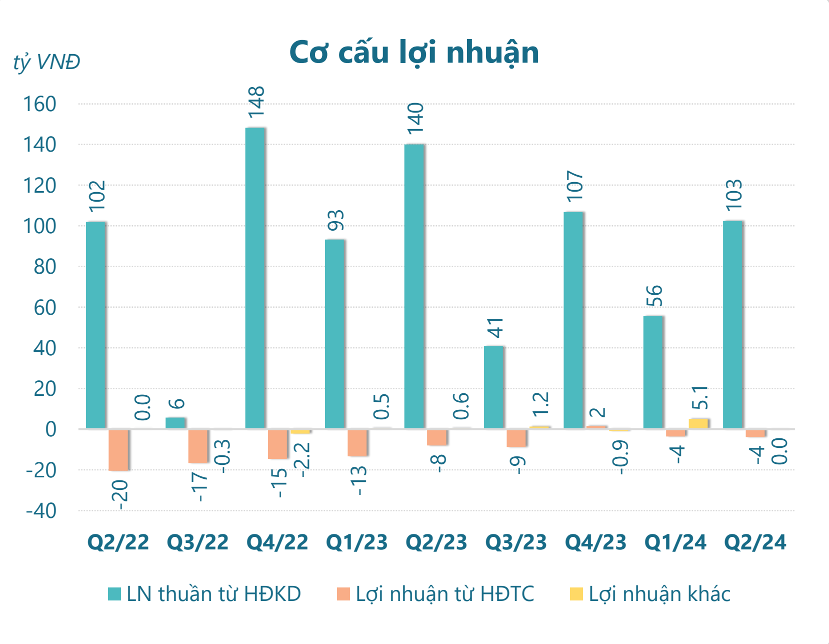
Cơ cấu lợi nhuận

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **4.82 tỷ đồng** tăng thêm 3.21% so với kỳ trước và thấp hơn 65.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **102.5 tỷ đồng** tăng thêm 15.8% so với kỳ trước và thấp hơn 2.97% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.07 tỷ đồng** giảm đi 77.4% so với kỳ trước và thấp hơn 93.8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (HNX: MVB)

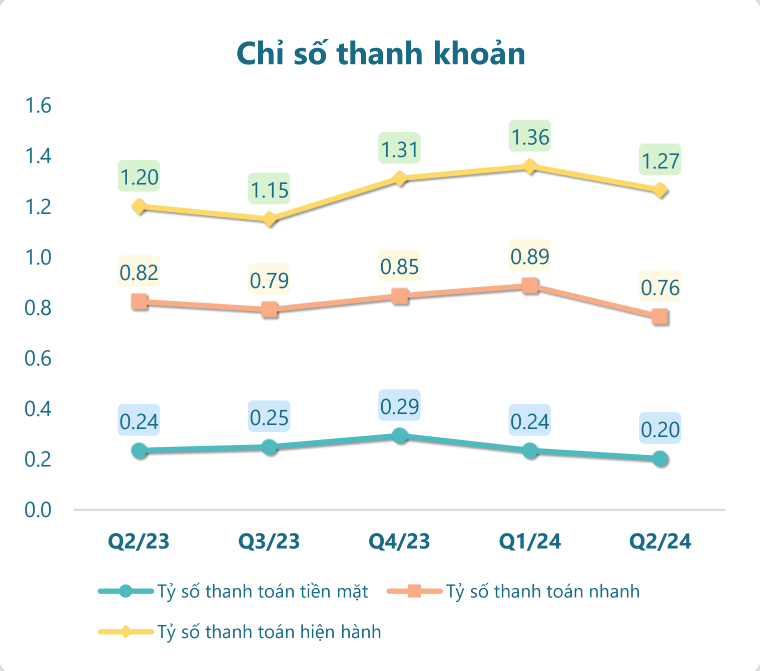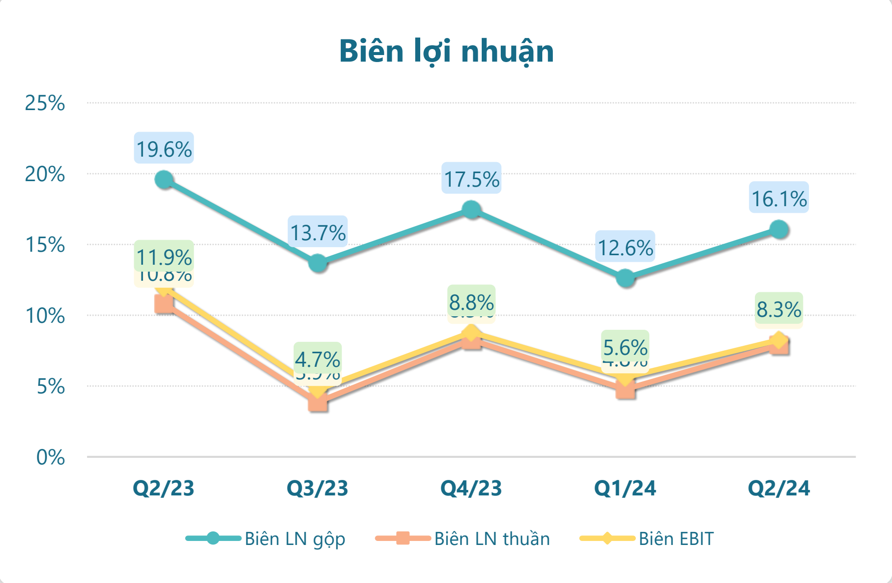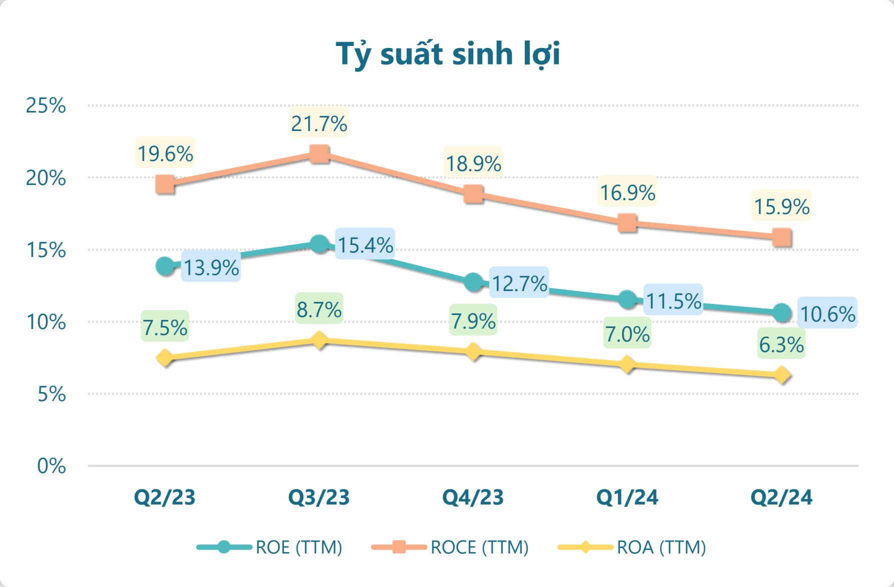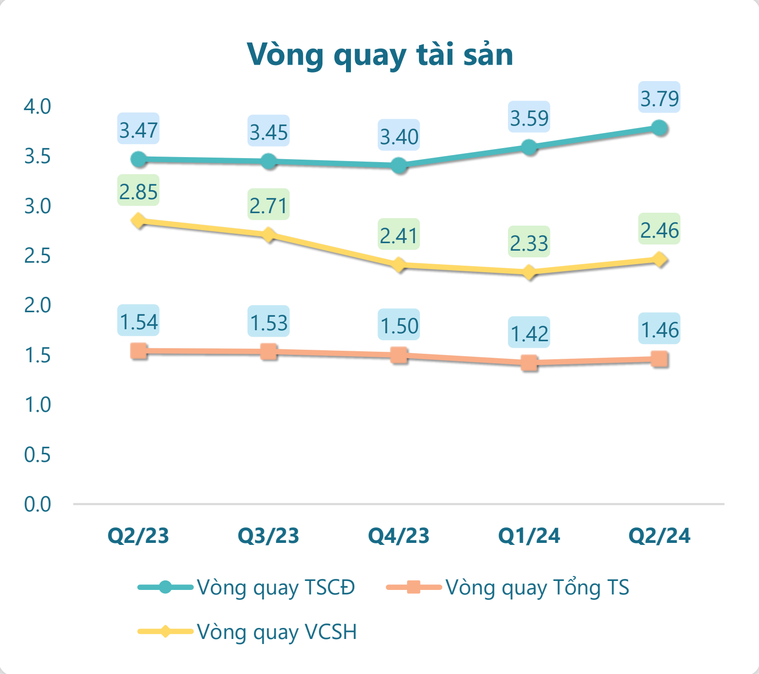KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,298**	**1,171**	**10.9%**	**1,296**	**0.2%**	**2,470**	**2,536**	**-2.6%**
Giá vốn hàng bán	1,089	1,023	6.5%	1,042	4.5%	2,113	2,067	2.2%
Lợi nhuận gộp	209	148	41.1%	254	-17.8%	357	468	-23.8%
Doanh thu HĐTC	3.48	2.76	26.0%	8.19	-57.6%	6.24	12.2	-49.0%
Chi phí TC	7.33	6.38	14.9%	16.2	-54.8%	13.7	33.6	-59.2%
Chi phí lãi vay	4.82	4.67	3.3%	14.1	-65.8%	9.50	29.7	-68.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	27.2	19.5	39.5%	24.8	9.7%	46.7	50.4	-7.3%
Chi phí QLDN	**75.3**	**69.0**	**9.1%**	**80.9**	**-6.9%**	**144**	**163**	**-11.6%**
LN thuần từ HĐKD	103	55.8	83.7%	140	-26.8%	158	233	-32.2%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**5.10**	**-100%**	**0.56**	**-102%**	**5.09**	**1.03**	**395%**
LN trước thuế	102	60.9	68.3%	141	-27.3%	163	234	-30.3%
Lợi nhuận sau thuế	**81.2**	**47.3**	**71.7%**	**113**	**-28.1%**	**129**	**189**	**-32.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**67.4**	**46.5**	**44.9%**	**97.7**	**-31.0%**	**114**	**164**	**-30.7%**